TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ TĨNH** **TỈNH HÀ TĨNH** Số: 17/2024/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Tp. Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH – TỈNH HÀ TĨNH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Cừ

Ông Dương Cao Sơn

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 212, 213, 235, 246 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 59, 61, 62 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi;

Căn cứ vào điểm a, b khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 58/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1958**;** Địa chỉ cư trú: Khối phố N, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Quốc H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm pháp lý Nhà nước tỉnh H

Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1960; Địa chỉ cư trú: Khối phố N, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Trịnh Diệu O - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm pháp lý Nhà nước tỉnh H; Ông Nguyễn Hữu L – Địa chỉ: Số nhà B, đường N, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị T1, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn Tân Thanh, xã Thạch Xuân, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

***Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị T.

***Về con chung:** Vợ chồng có 4 con chung tên là: Nguyễn Thị L1 sinh ngày 02/03/1988; Nguyễn Thị L2 sinh ngày 21/01/1991; Nguyễn Thị L3, sinh ngày 23/03/1993; Nguyễn Thị H1, sinh ngày 01/01/2001. Các con đều đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết nuôi con.

***Về tài sản chung:** Tài sản chung vợ chồng gồm có: Thửa đất số 3, tờ bản đồ số 33 có diện tích 494,9m² (đất ở 288m^2, đất trồng cây lâu năm 206,9m^2) tại tổ dân phố N, phường T, thành phố H, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB 814857 ngày 05/8/2021 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh H cấp và toàn bộ tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà khung gỗ, mái lợp ngói, tường tóoc xi, nền gạch liên doanh, 01 mái che khung sắt lợp tôn, 01 gian bếp xây gạch táp lô lợp proximang, 01 chuồng bò, 01 chuồng gà. Hai bên phân chia như sau:

- Về đất: (có sơ đồ kèm theo)

Ông Nguyễn Văn K được quyền quản lý sử dụng đất 259m^2 (đất ở 144m^2, đất trồng cây lâu năm 115m^2) có tứ cận:

Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn L4 dài 25,29m + 5,48m và giáp đất ông Nguyễn Văn M dài 1,73m; Phía Nam giáp đất bà Lê Thị T được chia dài 29,52m và giáp đất ông Nguyễn Văn M dài 2,44m; Phía Đông giáp đường tổ dân phố dài 6,84m và giáp đất ông L4 dài 1,87m; Phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn M dài 7,87m.

Bà Lê Thị T được quyền quản lý sử dụng đất 235,9m^2 (đất ở 144m^2, đất trồng cây lâu năm 91,9m^2) có tứ cận: Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn K dài 29,52m; Phía Nam giáp đất ông Nguyễn Văn M dài 12,53m + 16,95m; Phía Đông giáp đường tổ dân phố dài 8,76m; Phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn M dài 6,97m.

- Về tài sản trên đất: Ông K được quyền sở hữu 01 chuồng bò, 01 chuồng gà, 01 gian bếp; Bà T được quyền sở hữu 01 mái che khung sắt lợp tôn; Còn ngôi nhà khung gỗ mái ngói tường tóoc xi ông K được sở hữu 01 gian phía bắc và bà T được sở hữu 02 gian phía nam.

*** Về nợ:** Bà Lê Thị T1 tặng cho ông K và bà T số tiền còn nợ 35.000.000 đồng. Bà T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu ông K và bà T trả nợ.

* Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hết 3.665.000 đồng. Bà T đã nộp đủ và không yêu cầu ông K phải trả 1 nửa.

***Về án phí:** Nguyên đơn và bị đơn là người cao tuổi, thuộc hộ nghèo nên được miễn tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hà Tĩnh;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- THADS TP Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND phường Thạch Linh;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Huyền